

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI

- Động lực thúc đẩy quá trình
công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp,
nông thôn ở nước ta

ThS. Trần Thị Chử^(*)

Việt Nam đi lên CNXH từ nước nông nghiệp lạc hậu, năng suất lao động thấp. Vì vậy, để xây dựng nền sản xuất lớn với năng suất lao động xã hội cao, Đảng ta đã xác định: phải xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật lớn bằng việc đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước, trong đó, chú trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn sẽ tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn, tạo tiền đề để giải quyết hàng loạt vấn đề chính trị - xã hội của đất nước, đưa đời sống nông thôn nước ta tiến lên trình độ văn minh, hiện đại.

Đại hội lần thứ XI của Đảng nhấn mạnh: “Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng

hiện đại, hiệu quả bền vững, phát huy lợi thế của nông nghiệp nhiệt đới. Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng vật nuôi; hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên môn hóa, khu nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp sản xuất lớn”⁽¹⁾. Để thực hiện tốt những yêu cầu trên, cần chú trọng tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại (KTTT) phát triển, tạo nền tảng vững chắc thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển KTTT là bước đi tất yếu, phổ biến của tất cả các nền sản xuất nông nghiệp trên thế giới. Ở Việt Nam, những năm gần đây, mô hình KTTT ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của mình trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. KTTT là hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn; chủ yếu dựa vào hộ gia đình, nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gấn sản

^(*) Trung tâm Giáo dục thường xuyên Chu Văn An, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

⁽¹⁾ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, HN. 2011, tr.195-196

xuất với chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản.

KTTT có tác động rất lớn, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Với đặc điểm khai thác, tận dụng triệt để, tối ưu nguồn lực của nền nông nghiệp nhiệt đới, KTTT giải quyết được những vấn đề đặt ra trong nông nghiệp, nông thôn, **tạo điều kiện cho kinh tế nông nghiệp phát triển thuận lợi.**

Thứ nhất, KTTT khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý; trở thành đòn bẩy góp phần phát triển nông nghiệp bền vững. Qua đó, KTTT tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông dân; khuyến khích nông dân làm giàu đi đôi với xóa đói, giảm nghèo; góp phần phân bổ lao động, dân cư hợp lý, xây dựng nông thôn mới. KTTT phát triển góp phần khai thác thêm diện tích lớn đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa, tận dụng được tối đa tiềm năng đất đai đưa vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với mục tiêu sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản của Tổng cục Thống kê năm 2011 cho thấy, tính đến ngày 01/7/2011, các trang trại đang sử dụng 154,9 nghìn ha diện tích đất, mặt nước nuôi trồng thủy sản, trong đó có 36,6 nghìn ha đất trồng cây hàng năm; 77,1 nghìn ha đất trồng cây lâu năm; 8,9 nghìn ha đất lâm nghiệp và 32,2 nghìn ha mặt nước nuôi trồng thủy sản. Vùng có nhiều diện tích đất dành cho trang trại là Đông Nam bộ với 60,6 nghìn ha. Theo kết quả điều tra, đến ngày 31/12/2010, các doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản sử dụng 2,309 triệu ha đất. Trong đó, gần 77 nghìn ha đất trồng cây hàng năm (chiếm 3,3%); 376 nghìn ha đất trồng cây lâu năm (chiếm 16,3%); 1,835 triệu ha đất lâm nghiệp (chiếm 79,5%); gần 21 nghìn

ha đất nuôi trồng thủy sản (chiếm 0,9%).

KTTT tận dụng triệt để nguồn đất đai nhằm mở rộng diện tích đất phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp; không để đất bỏ hoang, tạo sự phong phú, đa dạng về hình thức canh tác, phá thế độc canh, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 2013, cả nước sử dụng 26,372 triệu ha đất nông nghiệp, trong đó, đất sản xuất nông nghiệp chiếm 10,211 triệu ha, đất lâm nghiệp là 15,406 triệu ha, đất nuôi trồng thủy sản: 710 nghìn ha; đất làm muối: 17,9 nghìn ha; đất nông nghiệp khác: 27 nghìn ha⁽²⁾.

KTTT thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng sản xuất hàng hóa, tạo ra các vùng sản xuất tập trung, làm tiền đề cho công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển, đưa công nghiệp và các ngành, nghề dịch vụ vào nông thôn. Việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất ở các trang trại, nhất là đảm bảo cho khâu giống sẽ đem lại năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm nông nghiệp tốt, từ đó, tăng thu nhập cho lao động, cải thiện đời sống cho người dân, khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất. KTTT phát triển cũng góp phần giải quyết việc làm cho lao động (một trong những vấn đề bức xúc ở nông thôn, khắc phục tình trạng thất nghiệp, lãng phí thời gian sản xuất), đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Theo kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, các trang trại sử dụng gần 95 nghìn lao động, trong đó, lao động chưa qua đào tạo chiếm 73,9%; số lao động được đào tạo nhưng không có chứng chỉ học nghề chiếm 12,5%; sơ cấp nghề: 7,3%; trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp: 3,4%; cao đẳng nghề: gần 0,4%; cao đẳng: gần 0,6% và đại học: gần 2%. Về quy mô lao động, bình quân trong cả nước, một trang trại nông nghiệp sử dụng 4,8 người, trong đó cao nhất là Đông Nam bộ (5,9 người). Phân theo loại hình trang

⁽²⁾ Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2013*, Nxb Thống kê, HN. 2014

trại, quy mô lao động có khác nhau: Bình quân lao động của trang trại trồng trọt là 5,3 người; trang trại thủy sản: 4,3 người; trang trại chăn nuôi: 4,2 người. Thực tế cho thấy, KTTT không chỉ giải quyết được vấn đề việc làm, mà còn giải quyết tốt các tệ nạn xã hội ở nông thôn hiện nay.

Thứ hai, quá trình chuyển dịch, tích tụ ruộng đất đã hình thành các trang trại gắn với phân công lao động ở nông thôn, từng bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp, như công nghiệp chế biến, dịch vụ... Lao động trong công nghiệp chế biến, chế tạo đã tăng dần: năm 2011 có 6.972,6 nghìn lao động; năm 2012: 7.102,2 nghìn lao động; năm 2013: 7.285,2 nghìn lao động. Trong lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sự chuyển dịch lao động cũng có chiều hướng ngày càng tăng: năm 2011 có 5.827,6 nghìn lao động; năm 2012: 6.331,9 nghìn lao động; năm 2013 số lao động tăng lên khoảng 6.548,6 nghìn⁽³⁾... Sự chuyển dịch lao động này phù hợp với quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. KTTT phát triển đã góp phần tích cực trong quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phá thế độc canh, tạo ra các vùng sản xuất tập trung; tạo tiền đề cho công nghiệp chế biến phát triển; đưa khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới và các ngành dịch vụ vào nông thôn, đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Thứ ba, KTTT phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa ngày càng lớn, gắn với thị trường, hình thành mô hình sản xuất mới ở khu vực nông thôn, tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn. Dưới sự tác động của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, KTTT ngày càng có xu hướng sản xuất hàng hóa lớn; các mặt hàng nông nghiệp

cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế ngày càng phong phú. KTTT đã góp phần nâng cao giá trị trên một diện tích đất canh tác. Năm 2011, các trang trại đã tạo ra gần 39,1 nghìn tỷ đồng, trong đó, hơn 31,2 nghìn tỷ đồng (chiếm gần 80%) từ sản xuất nông nghiệp; thủy sản: gần 7,8 nghìn tỷ đồng (chiếm 19,9%); lâm nghiệp: 125 tỷ đồng (chiếm 0,3%). Giá trị sản phẩm và dịch vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản bán ra đạt gần 38,2 nghìn tỷ đồng (chiếm 97,6% tổng giá trị thu từ nông, lâm, thủy sản tạo ra trong năm). Sự phát triển của KTTT góp phần đưa giá trị sản xuất nông nghiệp của cả nước ngày càng cao: Năm 2012 thu được 587.101,6 tỷ đồng; năm 2013: khoảng 600.278,4 tỷ đồng, trong đó, ngành trồng trọt chiếm khoảng 442.954,4 tỷ đồng, chăn nuôi 147.979,5 tỷ đồng⁽⁴⁾.

Các mô hình phát triển KTTT từng bước khẳng định rõ nét và có tác động rất lớn trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Số lượng, chất lượng KTTT ở nước ta ngày càng cao; hình thức canh tác, chăn nuôi đa dạng, có tính chuyên nghiệp, hiện đại. Năm 2013, cả nước có khoảng 23.774 trang trại, trong đó, có 8.745 trang trại trồng trọt, 4.690 trang trại nuôi trồng thủy sản, 9.206 trang trại chăn nuôi và 1.133 trang trại khác. Dựa vào điều kiện tự nhiên - xã hội ở mỗi vùng, KTTT được đầu tư phát triển khác nhau và số lượng trang trại cũng có sự chênh lệch rõ nét: cao nhất là Đồng bằng Sông Cửu Long (6.766 trang trại); tiếp đến là Đông Nam bộ (5.565 trang trại); đứng thứ ba là Đồng bằng Sông Hồng (5.197 trang trại), Tây Nguyên (2.676 trang trại), Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (2.450 trang trại); thấp nhất là Trung du và miền núi phía Bắc (1.120 trang trại). KTTT hiện nay đã phát huy tốt lợi thế của nước nông nghiệp nhiệt đới, giải quyết được những vấn đề khó khăn ở nông thôn mà trước đây kinh tế hộ chưa làm được. Đó là giải quyết được việc làm cho lao động ở nông thôn, tận dụng thời gian nhàn rỗi trong lao

(3) và (4) Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2013*, Sđd

động; áp dụng nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất hàng hóa lớn; tạo sự liên kết hợp tác dịch vụ sản xuất, thu hút nguồn vốn nhàn rỗi của nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, giúp các chủ thể kinh tế trở nên năng động trong việc tiếp cận thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm. Tuy nhiên, hiện nay, sự phát triển KTTT ở nước ta cũng gặp một số khó khăn: thiếu vốn đầu tư và chưa thu hút hết nguồn vốn nhàn rỗi của các nhà đầu tư; vấn đề giao đất, chất lượng giống, khoa học - kỹ thuật, thị trường đầu ra cho sản phẩm chưa được giải quyết tốt. Những vấn đề này ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển KTTT ở nước ta.

Để KTTT phát huy hết sức mạnh, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, **cần có những giải pháp cụ thể**, tạo điều kiện thuận lợi cho mô hình KTTT phát triển:

Một là, tùy vào vị trí khu vực, địa hình, điều kiện tự nhiên (Duyên hải miền Trung, Đông Nam bộ, hay Trung du và miền núi phía Bắc...), Đảng và Nhà nước cần có những chính sách phát triển KTTT phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát triển mô hình KTTT có chất lượng, hiệu quả.

Hai là, các địa phương cần căn cứ vào điều kiện, lợi thế của mình để hướng vào phát triển quy mô trang trại cho phù hợp; tăng cường đầu tư lao động, tích cực thâm canh phát huy hiệu quả của đất nhằm tăng lợi nhuận; không hướng vào việc tăng quy mô diện tích, tránh tăng số lượng mà không có chất lượng, hiệu quả.

Ba là, cần có những giải pháp, chính sách cụ thể về giao đất, đầu tư vốn, khoa học - kỹ thuật và công nghệ, thị trường... ổn định lâu dài, thủ tục đơn giản, hợp lý... Tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tiếp cận nhiều nguồn vốn tín dụng để đầu tư phát triển KTTT.

Bốn là, có cơ chế, chính sách bảo hộ hợp lý cho sản phẩm nông sản trong nước, giải quyết nạn nhập lậu nông sản, ổn định giá

và đầu ra cho nông sản. Quy hoạch phát triển KTTT gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, với các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh cao, chuyên nghiệp và hiện đại.

Tóm lại, phát triển KTTT là bước đi tất yếu, khách quan trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Quy mô, chất lượng KTTT thể hiện mức độ phát triển của quá trình CNH nông thôn. Vì vậy, phát triển KTTT nên đi theo trình tự từ đơn giản lên hiện đại, lấy phát triển kinh tế hộ làm tiền đề để hình thành KTTT, tránh sử dụng các công cụ kích thích kinh tế trực tiếp để tạo ra hệ thống các trang trại theo phong trào, không có tính ổn định và bền vững trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, cần xây dựng hệ thống chính sách, giải pháp cụ thể thúc đẩy KTTT phát triển, tạo sự phát triển bền vững ở nông thôn; là chìa khóa giúp quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thành công □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2005*, Nxb Thống kê, HN. 2006
2. Dương Ngọc Thành, *Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp sau những năm đổi mới vùng ven biển ĐBSCL*, Tạp chí Khoa học, Viện NCPT ĐBSCL, Trường Đại học Cần Thơ, 2005
3. Trương Thị Tiến, *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông thôn ở Việt Nam*, Nxb CTQG, HN. 1999 (nguyên bản đại học Michiga)
4. Nguyễn Đình Hương, *Thực trạng và phương pháp phát triển KTTT trong thời kỳ CNH, HĐH ở Việt Nam*, Nxb CTQG, HN. 2000
5. Chu Văn Vu, *Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam*, Viện Kinh tế học Việt Nam, Nxb KHXH, HN. 1999 (nguyên bản đại học Michigan)
6. Kỷ yếu Hội thảo Phát triển kinh tế VAC - Xây dựng nông thôn mới Quảng Trị